

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ PHÚ XUYỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/NQ-HĐND

Phú Xuyền, ngày 07 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2025; dự kiến danh mục đầu tư công năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 xã Phú Xuyền

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ PHÚ XUYỀN KHÓA XX, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh Thái Nguyên quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc

gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND huyện Đại Từ: Số 05/NQ-HĐND ngày 10/5/2022 về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; số 21/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022; Số 25/NQ-HĐND ngày 24/10/2022 về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022; Số 34/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; số 13/NQ-HĐND ngày 16/4/2023 về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; số 32/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; số 38/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; số 13/NQ-HĐND ngày 18/3/2024 về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; số 28/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; số 61/NQ-HĐND ngày 18/12/2024 về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; số 65/NQ-HĐND ngày 18/12/2024 về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 296/QĐ-UBND, ngày 19/7/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm cấp xã vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm cấp tỉnh, cấp xã và giao thẩm quyền cho UBND cấp xã trong lĩnh vực đầu tư công.

Xét Tờ trình số 11/TTr-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Phú Xuyên về việc đề nghị thông qua báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2025; dự kiến danh mục đầu tư công năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 xã Phú Xuyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2025; dự kiến danh mục đầu tư công năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 xã Phú Xuyên.

I. Kết quả thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2025:

UBND xã đã quản lý, điều hành và chấp hành quy định pháp luật về đầu tư công giai đoạn 2021-2025 thực hiện theo đúng quy định của Luật Đầu tư công; ngay từ đầu giai đoạn, Đảng ủy-HĐND-UBND các xã đã quan tâm chỉ đạo, coi công tác chuẩn bị cho đầu tư là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, quyết định hiệu quả đầu tư xây dựng. Các công trình dự án đã lập, thẩm định, phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án đầu tư công và điều chỉnh dự án đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công. Đối với các công trình đặc thù theo vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM cũng được lập và thẩm định theo quy định. Nâng cao chất lượng và thực hiện tốt công tác chuẩn bị đầu tư; lựa chọn các đơn vị tư vấn có năng lực, kinh nghiệm hạn chế tình trạng điều chỉnh dự toán.

1. Số lượng danh mục công trình đầu tư công giai đoạn 2021-2025:

Trong giai đoạn 2021-2025 xã Yên Lãng và Phú Xuyên cũ thực triển khai thực hiện 78 công trình, dự án; trong đó có 66 công trình do xã làm chủ đầu tư; có 12 công trình do huyện và các cơ quan chuyên môn làm chủ đầu tư chuyển về sau khi sáp nhập. Đối với danh mục công trình được bàn giao từ UBND huyện về UBND xã quản lý: Thực hiện đúng danh mục, mức vốn ngân sách bố trí cho từng dự án tại Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 19/6/2025, Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 19/7/2025, Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 20/7/2025, Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 29/7/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

2. Nguồn vốn đầu tư công:

- Tổng mức đầu tư được duyệt giai đoạn 2021-2025 là: 162.071 triệu đồng;
- Vốn kế hoạch đã bố trí giai đoạn 2022-2025 đến thời điểm báo cáo: 135.632 triệu đồng.

3. Kết quả thực hiện các dự án đầu tư công:

- Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán ở địa phương theo phân cấp quản lý là: 69 dự án, tổng mức đầu tư là 86.140 triệu đồng, Vốn kế hoạch đã bố trí giai đoạn 2022-2025 đến thời điểm báo cáo: 85.186 triệu đồng.

- Dự án hoàn thành, chưa phê duyệt quyết toán là: 05 dự án, tổng mức đầu tư là 38.079 triệu đồng, vốn kế hoạch đã bố trí giai đoạn 2022-2025 đến thời điểm báo cáo: 33.584 triệu đồng.

- Dự án đang thi công: 04 dự án, tổng mức đầu tư là 37.852 triệu đồng, Vốn kế hoạch đã bố trí giai đoạn 2022-2025 là 16.862 triệu đồng.

(Chi tiết có phụ biểu số 01 kèm theo)

II. Thông qua Kế hoạch đầu tư công năm 2025

1. Đối với danh mục công trình đã được phê duyệt chủ trương đầu tư và đã được phê duyệt trong kế hoạch đầu tư công của 2 xã cũ và cấp huyện (cũ) chuyển về

- Đối với danh mục công trình được bàn giao từ UBND huyện về UBND xã quản lý: Thực hiện đúng danh mục, mức vốn ngân sách bố trí cho từng dự án trong năm 2025 (bao gồm nguồn vốn năm trước chuyển sang) tại Quyết định số 296/QĐ - UBND; Quyết định số 297/QĐ - UBND ngày 19/7/2025 và Quyết định số 300/QĐ - UBND ngày 20/7/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên;

- Đối với danh mục công trình 2 xã cũ: UBND cấp xã sau khi sắp xếp thực hiện tiếp nhận toàn bộ kế hoạch đầu tư công đã bố trí trong năm 2025 (bao gồm cả nguồn vốn chuyển nguồn năm trước chuyển sang) cho các dự án của các xã trước khi sắp xếp.

Tổng số có 61 dự án, với tổng mức đầu tư là 108.754 triệu đồng; tổng nguồn vốn bố trí năm 2025 là 32.756 triệu đồng.

(Chi tiết có phụ biểu số 02 kèm theo)

III. Dự kiến danh mục đầu tư công năm 2026 và giai đoạn 2026-2030:

Căn cứ mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội xã giai đoạn 2026-2030. Định hướng đầu tư công năm 2026 của xã được lập phù hợp với định hướng chung của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công 5 năm 2026-2030 HĐND xã phê duyệt, tập trung vốn đầu tư thực hiện các nhiệm vụ: Ưu tiên thanh toán nợ xây dựng cơ bản; Ưu tiên vốn thanh toán khối lượng hoàn thành các dự án chuyển tiếp; Lĩnh vực giải phóng mặt bằng: đấu thầu nhà đầu tư; Lĩnh vực công trình khác.

(có phụ biểu 03, 04 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2024, các văn bản pháp luật có liên quan và chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, số liệu các dự án.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Phú Xuyên, Khóa XX, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 07 tháng 8 năm 2025. / *gh*

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh (Báo cáo);
- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Sở Tài chính (Báo cáo);
- Thường trực Đảng ủy; TT HĐND (Báo cáo);
- Ủy ban nhân dân xã;
- Ủy ban MTTQ xã;
- Các đại biểu HĐND xã khóa XX;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Ngô Thế Bình

THÔNG QUA DANH MỤC VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 07/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã Phú Xuyên)

ĐVT: Triệu đồng

TT		Tên xã, công trình	Địa điểm đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định/ Nghị quyết số...ngày...tháng năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2022-2025						KHH giai đoạn 2021 - 2025 dự kiến tình bổ sung trong 6 tháng cuối năm (từ 1/7/2025 đến 31/12/2025)	Nhu cầu còn thiếu chuyên giải đoạn 2026 - 2030
						Tổng số	Trong đó vốn NSTW		Trong đó							
									Tự nguồn vốn đã bố trí trong năm 2025 (tính từ ngày 01/01/2025)							
		TỔNG CỘNG							Từ các nguồn vốn huyện đã bố trí trong giai đoạn 2022-2025 đến hết năm 2024	Nguồn vốn ngân sách trung ương	Nguồn vốn ngân sách tỉnh	Nguồn vốn ngân sách huyện chuyển về xã sau khi thực hiện chính quyền 2 cấp (Bao gồm nguồn thu cấp quyền sử dụng đất)	Nguồn vốn ngân sách xã(khác)			
A		Công trình quyết toán				162.071	2.373	135.632	62.106	19.141	36.105	13.322	5.971	13.078	12.166	
I		Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo				86.140	2.373	85.186	42.009	11.653	19.733	6.843	5.861	40	-	
1		Trường THCS Yên Lãng, hạng mục: nhà lớp học 2 tầng 10 phòng	Xã Yên Lãng (cũ)	2023-2024	8463/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	7.604		7.604	7.604		-			-	-	
2		Trường MN Núi Hồng, HM: Cải tạo, nâng cấp nhà bếp ăn, khuôn viên sân trường	xã Yên Lãng (cũ)	2.021		913			913	-	-					
II		Lĩnh vực thể thao				19.684	-	19.684	17.692	1.992	-	-	-	-	-	
1		Xây dựng sân thể thao xã Yên Lãng	xã Yên Lãng (cũ)	2022-2024	QĐ 421/QĐ-UBND ngày 21/4/2022	10.984		10.984	10.984	-	-					
2		Xây mới sân thể thao xã Na Mao	xã Phú Xuyên (cũ)	2022-2024	QĐ 71/QĐ-UBND ngày 26/11/2024	8.700		8.700	6.708	1.992						
III		Lĩnh vực hoạt động kinh tế				40.396	1.181	40.355	14.080	8.832	9.733	3.034	4.676	40	-	
1		Nâng cấp, mở rộng đường giao thông xóm Dồi Cây - Đồng Cọ xã Yên Lãng	xã Yên Lãng (cũ)	2023-2025	QĐ phê duyệt dự án số 5944/QĐ-UBND ngày 20/3/2025 toàn số	5.068	1.181	5.068		1.181	2.056	1.831	-	-	-	
2		Đường giao thông nông thôn xã Phú Xuyên đoạn từ xóm Chính Phú, Tân Lập đi trục đường xã Phú Xuyên	Xã Phú Xuyên (cũ)	2024-2025	2051/QĐ-UBND ngày 21/05/2025	2.645	0	2.645	-	1.360	885	400	-	-	-	
3		Xây dựng kè chống sạt lở thuộc xóm Khuôn U xã Na Mao	xã Phú Xuyên (cũ)	2021-2022	4486/QĐ-UBND ngày 11/8/2023	2.756		2.756		1.055	1.701				-	

DVT: Triệu đồng



TT	Tên xã, công trình	Địa điểm đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định, Nghị quyết Chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án/ giá trị quyết toán		Kế hoạch đầu tư công giải đoạn 2022-2025								KHV giải đoạn 2021 - 2025 dự kiến tính bổ sung chuyển giải cuối năm (từ 1/7/2025 đến 31/12/2025)	Như cầu còn thiếu chuyển giải đoạn 2026 - 2030
				Quyết định/ Nghị quyết số...ngày...tháng năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó							
					Tổng số	Trong đó vốn NSTW		Từ nguồn vốn đã bố trí trong năm 2025 (tính từ ngày 01/01/2025)							
								Từ các nguồn vốn huyện đã bố trí trong giải đoạn 2022-2025 đến hết năm 2024	Nguồn vốn ngân sách trung ương	Nguồn vốn ngân sách tỉnh	Nguồn vốn ngân sách huyện chuyển về xã sau khi thực hiện chính quyền 2 cấp (Bao gồm nguồn thu cấp quyền sử dụng đất)	Nguồn vốn ngân sách xã(thác)			
	Đường giao thông xóm Thái Hà di xóm Trung Tâm xã Na Máo (Hai bên Cầu Đồng Đa)	xã Phú Xuyên cũ)	2021-2022	Số 555/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	849		849			300	549				
	5 Xây dựng công ngầm xóm Đồng Áo xã Yên Lãng	xã Yên Lãng (cũ)	2022-2023	QB 563/QĐ-UBND ngày 22/09/2022	1.457		1.457			-					
	6 Kênh mương xóm Đồng Cọ xã Yên Lãng	xã Yên Lãng (cũ)	2023-2024	QB số 276/QĐ-UBND ngày 27/9/2023	1.603		1.603			600	1.003				-
	7 Mật đường BTXM liên xóm 6,10,14 xã Phú Xuyên (doan từ QL 37 đi vào Nghĩa trang liệt sỹ xã và đi vào các xóm 6,10,14)	xã Phú Xuyên cũ)	2022-2024	Số 141/QĐ-UBND ngày 18/08/2023	1.994		1.994		698	1.296					
	8 Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Phú Xuyên - La Bằng (Đoạn từ QL37 đi vào các xóm Chính Phú 3, Chính Phú 2)	xã Phú Xuyên cũ)	2023-2025	QB số 194/QĐ-UBND ngày 21/11/2023; số 83/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	4.988		4.988		3.175	979	834				
	9 Đường giao thông nông thôn xã Phú Xuyên năm 2023 (Gói 1), Hàng mục: Đường bê tông xi măng xóm 5	xã Phú Xuyên cũ)	2023-2025	QB số 127/QĐ-UBND ngày 15/7/2023	62		62		40		22				
	10 Đường giao thông nông thôn xã Phú Xuyên năm 2023 (Gói 1), H/M: Đường bê tông xi măng xóm Quyên	xã Phú Xuyên cũ)	2023-2025	QB số 127/QĐ-UBND ngày 15/7/2023	43		43		27		16				
	11 Đường giao thông nông thôn xã Phú Xuyên năm 2023 (Gói 1), Hàng mục: Đường bê tông xi măng xóm 9	xã Phú Xuyên cũ)	2023-2025	QB số 127/QĐ-UBND ngày 15/7/2023	72		72		46		26				
	12 Đường giao thông nông thôn xã Phú Xuyên năm 2023 (Gói 2), Hàng mục: Đường bê tông xi măng xóm 11	xã Phú Xuyên cũ)	2023-2025	QB số 157/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	123		123		79		44				

TT	Tên xã, công trình	Địa điểm đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định, Nghị quyết Chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án/ giá trị quyết toán		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2022-2025								KHV giai đoạn 2021 - 2025 dự kiến tỉnh bổ sung cuối năm (từ 1/7/2025 đến 31/12/2025)	Nhu cầu còn thiếu chuyển giao giai đoạn 2026-2030
				Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó								
				Quyết định/ Nghị quyết số...ngày...tháng...năm	Tổng số		Trong đó vốn NSTW	Tự nguồn vốn đã bố trí trong năm 2025 (tính từ ngày 01/01/2025)							
								Từ các nguồn vốn huyện đã bố trí trong giải đoạn 2022-2025 đến hết năm 2024	Nguồn vốn ngân sách trung ương	Nguồn vốn ngân sách tỉnh	Nguồn vốn ngân sách huyện chuyển về xã sau khi thực hiện cấp (Bao gồm nguồn thu cấp quyền sử dụng đất)	Nguồn vốn ngân sách xã(khác)			
13	Đường giao thông nông thôn xã Phú Xuyên (Gói 2), Hàng mục: Đường bê tông xi măng xóm Quyển	xã Phú Xuyên cũ)	2023-2025	QĐ số 157/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	188	188	121		67						
14	Đường giao thông nông thôn xã Phú Xuyên (Gói 2), Hàng mục: Đường bê tông xi măng xóm Tân Lập	xã Phú Xuyên cũ)	2023-2025	QĐ số 157/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	184	184	119		65						
15	Đường giao thông nông thôn xã Phú Xuyên (Gói 2), Hàng mục: Đường bê tông xi măng xóm 9	xã Phú Xuyên cũ)	2023-2025	QĐ số 157/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	176	176	113		63						
16	Đường giao thông nông thôn xã Phú Xuyên (Gói 2), Hàng mục: Đường bê tông xi măng xóm 13	xã Phú Xuyên cũ)	2023-2025	QĐ số 157/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	119	119	75		44						
17	Đường giao thông nông thôn xã Na Mao năm 2024; HM: Đường bê tông xi măng xóm Ao Sỏi	xã Phú Xuyên cũ)	2024-2025	QĐ số 45/QĐ-UBND ngày 31/5/2024; QĐ số 256/QĐ-UBND ngày 30/11/2024	61	61	41		20						
18	Đường giao thông nông thôn xã Na Mao năm 2024; HM: Đường bê tông xi măng xóm Trung Tâm	xã Phú Xuyên cũ)	2024-2025	QĐ số 45/QĐ-UBND ngày 31/5/2024; QĐ số 256/QĐ-UBND ngày 30/11/2024	34	34	23		11						
19	Nâng cấp tuyến đường giao thông từ công ty Công ty Than Núi Hồng đến xóm Cây hồng xã Yên Lãng	xã Yên Lãng (cũ)	2024-2025	QĐ số 269/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	3.290,2	3.250	1.000	2.060,8	-	189	-	40			
20	Xây dựng đường trải liên hợp công hợp xóm Mới xã Yên Lãng	xã Yên Lãng (cũ)	2024-2005	QĐ số 89/QĐ-UBND ngày 28/5/2025	1.720	1.720	700	-	500	520					
21	Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ	xã Phú Xuyên cũ)	2021	QĐ 157/QĐ-UBND ngày 20/01/2025	390	390	348			42					

TT	Tên xã, công trình	Địa điểm đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định, Nghị quyết Chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án/ giá trị quyết toán		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2022-2025										KHV giai đoạn 2021 - 2025 dự kiến tỉnh bổ sung trong 6 tháng cuối năm (từ 1/7/2025 đến 31/12/2025)	Nhu cầu còn thiếu chuyển giao đầu tư 2030
				Quyết định/ Nghị quyết số...ngày...tháng năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó									
					Tổng số	Trong đó vốn NSTW		Tổng số	Từ nguồn vốn đã bố trí trong năm 2025 (tính từ ngày 01/01/2025)								
									Từ các nguồn vốn huyện đã bố trí trong giai đoạn 2022-2025 đến hết năm 2024	Nguồn vốn ngân sách trung ương	Nguồn vốn ngân sách tỉnh	Nguồn vốn ngân sách huyện chuyển về xã sau khi thực hiện chính quyền 2 cấp (Bao gồm nguồn thu cấp quyền sử dụng đất)	Nguồn vốn ngân sách xã(khác)				
22	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị số 1 - đô thị mới Yên Lãng, huyện Đại Từ	xã Yên Lãng (cũ)	2.024	QĐ 4403/QĐ-UBND ngày 31/8/2024	815		815	799,783		-	15,217			-			
23	Quy hoạch chung đô thị mới Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2040	Xã Yên Lãng (cũ)	2020-2025	QĐ 4076/QĐ-UBND ngày 07/09/2020	5.148		5.148	5.111,288		-	36,712						
24	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2024 (gói 1), hạng mục: Đường BTNT xóm Trung Tâm (tuyến 1+2+3)	xã Yên Lãng (cũ)	2024	Số 115/QĐ0-UB ngày 20/6/2024	230		230,36	40		75,582		115,204					
25	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2024 (gói 1) hạng mục: Đường BTNT xóm Khuôn Nanh (tuyến 1)	xã Yên Lãng (cũ)	2024	Số 115/QĐ0-UB ngày 20/6/2024	299		299,0			97,812		201,188					
26	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2024 (gói 2) hạng mục: Đường BTNT xóm Ao Trũng (tuyến 1+2)	xã Yên Lãng (cũ)	2024	Số 115/QĐ0-UB ngày 20/6/2024	291		291,0	68		99,317		124,165					
27	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2024 (gói 1) hạng mục: Đường BTNT xóm Đồng Cọ (tuyến 1+2) + kẻ đá	xã Yên Lãng (cũ)	2024	Số 115/QĐ0-UB ngày 20/6/2024	306		306,0			90,474		215,526					
28	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2024 (gói 3) hạng mục: Đường BTNT xóm Dầm làng	xã Yên Lãng (cũ)	2024	Số 267/QĐ-UB ngày 10/11/2024	127		127,0			36,479		90,521					
29	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2024 (gói 1) hạng mục: Đường BTNT xóm Dèo Khê (tuyến 1)	xã Yên Lãng (cũ)	2024	Số 115/QĐ0-UB ngày 20/6/2024	62		62,0			17,581		44,419					

TT	Tên xã, công trình	Địa điểm đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định/ Nghị quyết số...ngày...tháng năm	Quyết định, Nghị quyết Chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án/ giá trị quyết toán		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2022-2025										KHV giải ngân 2021-2025 dự kiến tính bổ sung trong 6 tháng cuối năm (từ 1/7/2025 đến 31/12/2025)	Như cần còn thiếu chuyển giải ngân 2026-2030		
					Tổng mức đầu tư		Trong đó													
					Tổng số	Trong đó vốn NSTW	Tổng số	Từ các nguồn vốn huyện đã bố trí trong giai đoạn 2022-2025 đến hết năm 2024				Từ nguồn vốn đã bố trí trong năm 2025 (tính từ ngày 01/01/2025)				KHV giải ngân 2021-2025 dự kiến tính bổ sung trong 6 tháng cuối năm (từ 1/7/2025 đến 31/12/2025)			Như cần còn thiếu chuyển giải ngân 2026-2030	
								Từ các nguồn vốn huyện đã bố trí trong giai đoạn 2022-2025 đến hết năm 2024	Nguồn vốn ngân sách trung ương	Nguồn vốn ngân sách tỉnh	Nguồn vốn ngân sách huyện chuyển về xã sau khi thực hiện cấp (Bao gồm nguồn thu cấp quyền sử dụng đất)	Nguồn vốn ngân sách xã (khác)								
30	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2024 (gói 4) hạng mục: Đường BTNT xóm Đồng Dùm+ kè đá	xã Yên Lãng (cũ)	2024	Số QĐ-UB ngày 04/12/2024	71		71,0			11,721		59,279								
31	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2024 (gói 1) hạng mục: Đường BTNT xóm Quyết Tâm (Tuyến 1+2)	xã Yên Lãng (cũ)	2024	Số 115/QĐ0-UB ngày 20/6/2024	57		57,0			16,624		40,376								
32	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2024 (gói 3) hạng mục: Đường BTNT xóm Đồng Ao (tuyến 1)	xã Yên Lãng (cũ)	2024	Số 267/QĐ-UB ngày 10/11/2024	117		117,0			33,249		83,751								
33	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2024 (gói 4) hạng mục: Đường BTNT xóm Đồng Ôm	xã Yên Lãng (cũ)	2024	Số QĐ-UB ngày 04/12/2024	31		31,0			8,193		22,807								
34	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 4) hạng mục: Đường BTNT xóm Đồng Dùm dài 1,300m	xã Yên Lãng (cũ)	2023	Số 375/QĐ-UB ngày 10/11/2023	1.501		1.501,0			399,123		1.101,877								
35	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 1) hạng mục: Đường BTNT xóm Đồng Đình (Tuyến 1+2+3) dài 453m)	xã Yên Lãng (cũ)	2023	Số 252/QĐ-UB ngày 10/8/2023	329		329,0			100,971		228,029								
36	Kè đá Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 2) hạng mục: Đường BTNT xóm Đồng Đình (Tuyến 1) dài 600m)	xã Yên Lãng (cũ)	2023	Số 370/QĐ-UB ngày 8/11/2023	615		615,0			90,357		524,643								

Quyết định, Nghị quyết Chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án/ giá trị quyết toán				Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2022-2025											
TT	Tên xã, công trình	Địa điểm đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định/ Nghị quyết số...ngày...tháng năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó						KHV giải đoạn 2021 - 2025 dự kiến tính bổ sung trong 6 tháng cuối năm (từ 1/7/2025 đến 31/12/2025)	Nhu cầu còn thiếu chuyển giải đoạn 2026 - 2030
					Tổng số	Trong đó vốn NSTW		Từ nguồn vốn đã bố trí trong năm 2025 (tính từ ngày 01/01/2025)							
								Từ các nguồn vốn huyện đã bố trí trong giai đoạn 2022-2025 đến hết năm 2024	Nguồn vốn ngân sách trung ương	Nguồn vốn ngân sách tỉnh	Nguồn vốn ngân sách huyện chuyển về xã sau khi thực hiện cấp (Bao gồm nguồn thu cấp quyền sử dụng đất)	Nguồn vốn ngân sách xã(khác)			
37	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 1) hạng mục: Đường BTNT xóm Đoàn Kết dài 49m	xã Yên Lãng (cũ)	2023	Số 252/QĐ-UB ngày 10/8/2023	42		42,0			12,792		29,208			
38	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 1) hạng mục: Đường BTNT xóm Quyết Tâm dài 44m	xã Yên Lãng (cũ)	2023	Số 252/QĐ-UB ngày 10/8/2023	37		37,0			11,431		25,569			
39	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 3) hạng mục: Đường BTNT xóm Quyết Tâm dài 244m	xã Yên Lãng (cũ)	2023	Số 374/QĐ-UB ngày 10/11/2023	220		220,0			70,081		149,919			
40	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 1) hạng mục: Đường BTNT xóm Đồng Dùm dài	xã Yên Lãng (cũ)	2023	Số 252/QĐ-UB ngày 10/8/2023	361		361,0			120,703		240,297			
41	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 1) hạng mục: Đường BTNT xóm Thắng Lợi dài 72m	xã Yên Lãng (cũ)	2023	Số 252/QĐ-UB ngày 10/8/2023	52		52,0			16,057		35,943			
42	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 1) hạng mục: Đường BTNT xóm Giữa dài 35m	xã Yên Lãng (cũ)	2023	Số 252/QĐ-UB ngày 10/8/2023	30		30,0			9,117		20,883			
43	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 1) hạng mục: Đường BTNT xóm Cầu Trạ, 42m	xã Yên Lãng (cũ)	2023	Số 252/QĐ-UB ngày 10/8/2023	42		42,0			10,886		31,114			

TT	Tên xã, công trình	Địa điểm đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định/ Nghị quyết số...ngày ...tháng năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số vốn NSTW	Tổng số	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2022-2025						KHV giải đoạn 2021 - 2025 dự kiến tính bổ sung trong 6 tháng cuối năm (từ 1/7/2025 đến 31/12/2025)	Nhu cầu còn thiếu chuyển giao đoạn 2026-2030				
					Trong đó				Trong đó											
					Từ nguồn vốn đã bố trí trong năm 2025 (tính từ ngày 01/01/2025)				Từ các nguồn vốn huyện đã bố trí trong giai đoạn 2022-2025 đến hết năm 2024		Nguồn vốn ngân sách trung ương		Nguồn vốn ngân sách tỉnh				Nguồn vốn ngân sách huyện chuyển về xã sau khi thực hiện cấp (Bảo gồm nguồn thu cấp quyền sử dụng đất)		Nguồn vốn ngân sách xã(thác)	
					Tổng số	Trong đó			Từ các nguồn vốn huyện đã bố trí trong giai đoạn 2022-2025 đến hết năm 2024	Nguồn vốn ngân sách trung ương	Nguồn vốn ngân sách tỉnh	Nguồn vốn ngân sách huyện chuyển về xã sau khi thực hiện cấp (Bảo gồm nguồn thu cấp quyền sử dụng đất)	Nguồn vốn ngân sách xã(thác)							
44	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 2) hạng mục: Đường BTNT xóm Cầu Trá 65m	xã Yên Lãng (cũ)	2023	Số 370/QĐ-UB ngày 8/11/2023	48		48,0				14,424		33,576							
45	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 1) hạng mục: Đường BTNT xóm Đồng Ôm dài 35m	xã Yên Lãng (cũ)	2023	Số 252/QĐ-UB ngày 10/8/2023	36		36,0				5,280		30,720							
46	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 2) hạng mục: Đường BTNT xóm Đồng Ôm dài 190m+ kè đá 55m	xã Yên Lãng (cũ)	2023	Số 370/QĐ-UB ngày 8/11/2023	178		178,0				58,950		119,050							
47	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 1) hạng mục: Đường BTNT xóm Tiên Đốc dài 360m	xã Yên Lãng (cũ)	2023	Số 252/QĐ-UB ngày 10/8/2023	262		262,0				80,287		181,713							
48	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 2) hạng mục: Đường BTNT xóm Tiên Đốc dài 100m	xã Yên Lãng (cũ)	2023	Số 370/QĐ-UB ngày 8/11/2023	74		74,0				22,317		51,683							
49	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 6) hạng mục: Đường BTNT xóm Tiên Đốc dài 133m	xã Yên Lãng (cũ)	2023	Số 378/QĐ-UB ngày 28/12/2023	94		94,0				29,529		64,471							
50	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 1) hạng mục: Đường BTNT xóm Đồng Măng dài 80m	xã Yên Lãng (cũ)	2023	Số 252/QĐ-UB ngày 10/8/2023	59		59,0				17,826		41,174							

TT	Tên xã, công trình	Địa điểm đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định, Nghị quyết Chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án/ giá trị quyết toán		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2022-2025								KHV giải ngân 2021 - 2025 dự kiến tính bổ sung trong 6 tháng cuối năm (từ 1/7/2025 đến 31/12/2025)	Nhu cầu cần thiếu chuyển giải ngân 2026-2030
				Quyết định/ Nghị quyết số...ngày...tháng...năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Từ các nguồn vốn huyện đã bố trí trong giai đoạn 2022-2025 đến hết năm 2024	Trong đó				KHV giải ngân 2021 - 2025 dự kiến tính bổ sung trong 6 tháng cuối năm (từ 1/7/2025 đến 31/12/2025)		
					Tổng số	Trong đó vốn NSTW			Từ nguồn vốn đã bố trí trong năm 2025 (tính từ ngày 01/01/2025)						
									Nguồn vốn ngân sách trung ương	Nguồn vốn ngân sách tỉnh	Nguồn vốn huyện chuyển về xã sau khi thực hiện chính quyền 2 cấp (Bao gồm nguồn thu cấp quyền sử dụng đất)	Nguồn vốn ngân sách xã(thác)			
51	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 1) hạng mục: Đường BTNT xóm Cây Hồng dài 120m	xã Yên Lãng (cũ)	2023	Số 252/QĐ-UB ngày 10/8/2023	115		115,0		41,232		73,768				
52	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 2) hạng mục: Đường BTNT xóm Cây Hồng dài 235m	xã Yên Lãng (cũ)	2023	Số 370/QĐ-UB ngày 8/11/2023	119		119,0		34,973		84,027				
53	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 2) hạng mục: Đường BTNT xóm Đầm Làng dài 221m(tuyến 1+3+4)	xã Yên Lãng (cũ)	2023	Số 370/QĐ-UB ngày 8/11/2023	162		162,0		49,261		112,739				
54	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 2) hạng mục: Đường BTNT xóm Nhất Trí dài 62m+ kè đá 172m	xã Yên Lãng (cũ)	2023	Số 370/QĐ-UB ngày 8/11/2023	222		222,0		39,735		182,265				
55	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 2) hạng mục: Đường BTNT xóm Đồi Cây dài 239m(tuyến 1+2+3+4)	xã Yên Lãng (cũ)	2023	Số 370/QĐ-UB ngày 8/11/2023	198		198,0		60,556		137,444				
56	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 5) hạng mục: Đường BTNT xóm Đồng Cọ	xã Yên Lãng (cũ)	2023	số 376/qđ-ub ngày 10/11/2023	223		223,00		43,866		179,134				
IV	Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội				1.704	0	1.704	1.704	0	0	0	0	0	0	
1	Trụ sở UBND xã Phú Xuyên, hạng mục: Hàng rào, bếp ăn, nhà để xe	xã Phú Xuyên (cũ)	2021-2022	QĐ PD dự án: 56/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	408		408	408	0		0	0	0	0	

Quyết định, Nghị quyết Chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án/ giá trị quyết toán					Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2022-2025										KHHV giải đoạn 2021 - 2025 dự kiến tính bổ sung trong 6 tháng cuối năm (từ 1/7/2025 đến 31/12/2025)	Nhu cầu còn thiếu chuyển giải đoạn 2026 - 2030
TT	Tên xã, công trình	Địa điểm đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định/ Nghị quyết số...ngàytháng năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó								
					Tổng số	Trong đó vốn NSTW		Từ nguồn vốn đã bố trí trong năm 2025 (tính từ ngày 01/01/2025)								
								Từ các nguồn vốn huyện đã bố trí trong giai đoạn 2022-2025 đến hết năm 2024	Nguồn vốn ngân sách trung ương	Nguồn vốn ngân sách tỉnh	Nguồn vốn sách huyện chuyển về xã sau khi thực hiện chính quyền 2 cấp (Bao gồm nguồn thu cấp quyền sử dụng đất)	Nguồn vốn ngân sách xã(khác)				
V	Lĩnh vực văn hoá - thông tin				15.839	1.192	15.839	16	829	10.000	3.809	1.185	-	-		
1	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa xã Phú Xuyên	xã Phú Xuyên cũ)	2024-2025	QĐ PD dự án: 249/QĐ-UBND ngày 15/10/2024; 121/QĐ-UBND ngày 26/05/2025;	899	899	899	-	536			-	363			
2	Xây mới nhà văn hóa xóm Quỳên, xã Phú Xuyên	xã Phú Xuyên cũ)	2024-2025	QĐ PD dự án: 133/QĐ-UBND ngày 31/05/2024 ; 115/QĐ-UBND ngày 23/05/2025;	552	140	552	-	140			-	412			
3	Nhà văn hóa xóm Quỳên; HM: Sân bê tông	xã Phú Xuyên cũ)	2024-2025	QĐ PD dự án: 226/QĐ-UBND ngày 9/9/2024 ; 55/QĐ-UBND ngày 03/03/2025;	29	13	29	16	13,0							
4	Xây mới nhà văn hóa xóm 6, xã Phú Xuyên	xã Phú Xuyên cũ)	2024-2025	QĐ PD dự án: 134/QĐ-UBND ngày 31/05/2024 ; 116/QĐ-UBND ngày 23/05/2025;	550	140	550	-	140			-	410			



Quyết định, Nghị quyết Chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án/ giá trị quyết toán					Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2022-2025										
TT	Tên xã, công trình	Địa điểm đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định/ Nghị quyết số...ngày...tháng năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó						KHV giai đoạn 2021 - 2025 dự kiến tính bổ sung trong 6 tháng cuối năm (từ 1/7/2025 đến 31/12/2025)	Như cần còn thiếu chuyển giải đoạn 2026 - 2030
					Tổng số	Trong đó vốn NSTW		Tự nguồn vốn đã bố trí trong năm 2025 (tính từ ngày 01/01/2025)							
								Từ các nguồn vốn huyện đã bố trí trong giai đoạn 2022-2025 đến hết năm 2024	Nguồn vốn ngân sách trung ương	Nguồn vốn ngân sách tỉnh	Nguồn vốn ngân sách huyện chuyển về xã sau khi thực hiện chính quyền 2 cấp (Bao gồm nguồn thu cấp quyền sử dụng đất)	Nguồn vốn ngân sách xã(khác)			
5	Đường vào di tích lịch sử truyền thống thành miếu Việt Nam xã Yên Lăng huyện Đại Từ	Xã Yên Lăng (cũ)	2022-2025	6659-QĐ/1/2022	13.809		13.809			10.000	3.809			-	
B	Công trình hoàn thành chưa quyết toán				38.079	-	33.584	19.997	4.220	7.778	1.479	110	4.314	-	
I	Lĩnh vực văn hoá - thông tin				6.049	-	5.408		4.220	1.078	-	110	641		
I	Xây dựng nhà văn hóa xã Yên Lăng	Xã Yên Lăng (cũ)	2024-2025	PD dự án 7450/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	6.049		5.408	-	4.220	1.078	-	110	641		
II	Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội				21.884	-	20.229	18.910	-	-	1.319	-	1.655		
I	Xây dựng trụ sở UBND và các công trình phụ trợ xã Yên Lăng, huyện Đại Từ	Xã Yên Lăng (cũ)	2023-2025	PD dự án 4865/QĐ-UBND ngày 29/08/2023	21.884		20.229	18.910	-	-	1.319		1.655		
III	Lĩnh vực hoạt động kinh tế				10.146	-	7.947	1.087	-	6.700	160	-	2.018	-	
1	Xây dựng và lắp đặt đường điện chiếu sáng dọc Quốc lộ 37 từ hết xã Tiên Hội (Km156+300) đến xã Yên Lăng (Km170+400)	Xã Phú Xuyên, Yên Lăng (cũ)	2024-2025	3075/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	8.718		6.700	-		6.700	-		2.018		
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm xã Nà Mao	xã Phú Xuyên (cũ)	2021-2023	QĐ số: 1085/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của UBND Huyện Đại Từ	1.156		1.000	840			160				

TT	Tên xã, công trình	Địa điểm đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định, Nghị quyết Chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án/ giá trị quyết toán		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2022-2025										KHV giai đoạn 2021 - 2025 dự kiến tình bổ sung trong 6 tháng cuối năm (từ 1/7/2025 đến 31/12/2025)	Nhu cầu còn thiếu chuyển giải ngân 2026 - 2030
				Tổng mức đầu tư	Tổng số vốn NSTW	Tổng số	Tỷ các nguồn vốn huyện đã bố trí trong giai đoạn 2022-2025 đến hết năm 2024	Trong đó									
								Tỷ nguồn vốn đã bố trí trong năm 2025 (tính từ ngày 01/01/2025)									
D	Công trình đang thi công																
I	Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo																
3	Điều chỉnh quy hoạch chung xã Na Mao	xã Phú Xuyên (cũ)	2021-2023	QĐ 1796/QĐ-UBND ngày 28/04/2021 của UBND huyện Đại Từ	272	-	16.862	100	3.268	8.594	5.000	-	8.724	12.166			
					37.852	-	16.862	100	3.268	8.594	5.000	-	8.724	12.166			
					8.332	-	4.541	-	541	4.000	-	-	3.791	-			
1	Trường Tiểu học Yên Lãng II, hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng	Xã Yên Lãng (cũ)	2025-2027	QĐ PD dự án: 1461/QĐ-UBND ngày 22/04/2025	8.332		4.541	-	541	4.000	-		3.791				
II	Lĩnh vực kinh tế				29.520	-	12.321	100	2.727	4.594	5.000	-	4.933	12.166			
1	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường từ QL 37 vào thác Ba Dội xã Phú Xuyên	Xã Phú Xuyên (cũ)	2025-2027	Quyết định phê duyệt dự án 1918/QĐ-UBND ngày 15/5/2025	19.320		8.821	-	2.727	1.094	5.000	-	-	10.499			
2	Mở rộng khuôn viên địa điểm di tích nơi ra đời đội thanh niên xung phong Việt Nam 15/7/1950	Xã Yên Lãng (cũ)	2024-2026	số 2014/QĐ-UBND ngày 26/8/2024	8.433		3.500	-	-	3.500	-		4.933				
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm du lịch sinh thái Hồ Phú Xuyên, xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ	xã Phú Xuyên (cũ)	2023-2025	QĐ 5449/QĐ-UBND ngày 28/09/2023	1.767		100							1.667			

THÔNG QUA DANH MỤC VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 07/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã Phú Xuyên)

ĐVT: Triệu đồng

Trong đó														Ghi chú	
TT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch đầu tư công năm 2025	Ngân sách tỉnh						Ngân sách huyện				
					Ngân sách trung ương		Ngân sách tỉnh		Ngân sách huyện						
A	B	Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư thực hiện dự án	3	4	5	6	7	Vốn bảo vệ môi trường	Nguồn vốn tăng thu ngân sách DT 25 số với DT 23	Nguồn tăng thu ngân sách huyện năm 2024 chuyển nguồn sang	Vốn ngân sách huyện (nguồn thu cấp quyền sử dụng đất)	Nguyên vốn khác		
I	TỔNG KINH PHÍ		108,754	32,756	4,429	-	4,541	785	511	5,110	4,000	8,134	5,462	-	
A	Công trình đã quyết toán		34,262	12,272	1,161	-	3,269	785	511	-	-	-	1,300	5,462	-
I	Lĩnh vực kinh tế		32,261	11,503	672	-	3,269	785	511	-	-	-	1,020	5,462	-
1	Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	QĐ số: 7016/QĐ-UBND ngày 01/12/2020 của UBND Huyện Đại Từ	450	42									42		
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị số 1 - Đô thị mới Yên Lãng huyện Đại Từ	QĐ 4403/QĐ-UBND ngày 31/8/2024	815	15						0		0	15,217		
3	Quy hoạch chung đô thị mới xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2040	QĐ 4076/QĐ-UBND ngày 07/09/2020	5,148	37						0		0	36,712		
4	Nâng cấp tuyến đường giao thông từ công cộng ty than Núi Hồng đến xóm Cây Hồng xã Yên Lãng	QĐ số 269/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	3,290,2	311,159					311,159						
5	Xây dựng đường tran liên hợp công hợp xóm Mới xã Yên Lãng	QĐ số 89/QĐ-UBND ngày 28/5/2025	1,774	1,620	400		500		200	0			520		
6	Nâng cấp mở rộng đường giao thông xóm Đồi Cây - Đồng Co xã Yên Lãng	QĐ phê duyệt dự án số 5944/QĐ-1206/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	5,069	558,056			558,056								
7	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Phú Xuyên - La Bằng (Đoạn từ QL37 đi vào các xóm Chính Phú 3, Chính Phú 2)	QĐ số: 194/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của UBND xã Phú Xuyên	4,980	278	272,263								6		
8	Đường giao thông nông thôn xã Phú Xuyên đoạn từ xóm Chính Phú, Tân Lập đi trục đường xã Phú Xuyên	Quyết định số 6939 ngày 03/15/2024	3,063	1,185				785					400		



Trong đó															Ghi chú	
TT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch đầu tư công năm 2025	Ngân sách trung ương			Ngân sách tỉnh			Ngân sách huyện					Nguồn vốn khác
		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư thực hiện dự án		Vốn chương trình MTQG vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Vốn chương trình MTQG vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ chương trình MTQG vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ chương trình MTQG vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Vốn bảo vệ môi trường	Nguồn vốn tăng thu ngân sách DT 25 số vốn DT 23	Nguồn tăng thu ngân sách huyện năm 2024 chuyển nguồn sang	Vốn ngân sách huyện (nguồn thu cấp quyền sử dụng đất)				
9	Đường giao thông nông thôn xã Phú Xuyên năm 2023 (Gói 1), Hàng mục: Đường bê tông xi măng xóm 5	QB số 127/QĐ-UBND ngày 15/7/2023	62	62				22						40		
10	Đường giao thông nông thôn xã Phú Xuyên năm 2023 (Gói 1), HM: Đường bê tông xi măng xóm Quyền	QB số 127/QĐ-UBND ngày 15/7/2023	43	43				22						21		
11	Đường giao thông nông thôn xã Phú Xuyên năm 2023 (Gói 1), Hàng mục: Đường bê tông xi măng xóm 9	QB số 127/QĐ-UBND ngày 15/7/2023	72	72				26						46		
12	Đường giao thông nông thôn xã Phú Xuyên năm 2023 (Gói 2), Hàng mục: Đường bê tông xi măng xóm 11	QB số 157/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	123	123				44						79		
13	Đường giao thông nông thôn xã Phú Xuyên năm 2023 (Gói 2), Hàng mục: Đường bê tông xi măng xóm Quyền	QB số 157/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	188	188				67						121		
14	Đường giao thông nông thôn xã Phú Xuyên năm 2023 (Gói 2), Hàng mục: Đường bê tông xi măng xóm Tân Lập	QB số 157/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	184	184				65						119		
15	Đường giao thông nông thôn xã Phú Xuyên năm 2023 (Gói 2), Hàng mục: Đường bê tông xi măng xóm 9	QB số 157/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	176	176				63						113		
16	Đường giao thông nông thôn xã Phú Xuyên năm 2023 (Gói 2), Hàng mục: Đường bê tông xi măng xóm 13	QB số 157/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	119	119				44						75		
17	Đường giao thông nông thôn xã Na Mao năm 2024, HM: Đường bê tông xi măng xóm Ao Soi	QB số 45/QĐ-UBND ngày 31/5/2024; QB số 256/QĐ-UBND ngày 30/11/2024	61	61				20						41		
18	Đường giao thông nông thôn xã Na Mao năm 2024, HM: Đường bê tông xi măng xóm Trung Tâm	QB số 45/QĐ-UBND ngày 31/5/2024; QB số 256/QĐ-UBND ngày 30/11/2024	34	34				11						23		

TT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch đầu tư công năm 2025	Trong đó								Ghi chú	
		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư thực hiện dự án		Ngân sách trung ương		Ngân sách tỉnh			Ngân sách huyện				Nguồn vốn khác
					Vốn chương trình MTQG nông thôn mới	Vốn chương trình MTQG vốn dân tộc thiểu số và miền núi	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ chương trình MTQG nông thôn mới	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ chương trình MTQG dân tộc thiểu số và miền núi	Vốn bảo vệ môi trường	Nguồn vốn tăng thu ngân sách DT 23 số với DT 23	Nguồn tăng thu ngân sách huyện năm 2024 chuyển nguồn sang	Vốn ngân sách huyện (nguồn thu cấp quyền sử dụng đất)		
19	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lăng năm 2024 (gói 1), hạng mục: Đường BTNT xóm Trung Tâm (tuyến 1+2+3)	Số 115/QĐ0-UB ngày 20/6/2024	230	230,358			75,582						154,776	
20	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lăng năm 2024 (gói 1) hạng mục: Đường BTNT xóm Khuôn Nanh (tuyến 1)	Số 115/QĐ0-UB ngày 20/6/2024	299	299,000			97,812						201,188	
21	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lăng năm 2024 (gói 2) hạng mục: Đường BTNT xóm Ao Trừng (tuyến 1+2)	Số 115/QĐ0-UB ngày 20/6/2024	291	291,000			99,317						191,683	
22	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lăng năm 2024 (gói 1) hạng mục: Đường BTNT xóm Đồng Cọ (tuyến 1+2) + kẻ đá	Số 115/QĐ0-UB ngày 20/6/2024	306	90,474			90,474						215,526	
23	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lăng năm 2024 (gói 3) hạng mục: Đường BTNT xóm Dầm làng	Số 267/QĐ-UB ngày 10/11/2024	127	127,000			36,179						90,821	
24	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lăng năm 2024 (gói 1) hạng mục: Đường BTNT xóm Đèo Khê (tuyến 1)	Số 115/QĐ0-UB ngày 20/6/2024	62	62,000			17,581						44,419	
25	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lăng năm 2024 (gói 4) hạng mục: Đường BTNT xóm Đồng Dùm+ kẻ đá	Số QĐ-UB ngày 04/12/2024	71	71,000			11,721						59,279	
26	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lăng năm 2024 (gói 1) hạng mục: Đường BTNT xóm Quyết Tâm (Tuyến 1+2)	Số 115/QĐ0-UB ngày 20/6/2024	57	57,000			16,624						40,376	

TT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch đầu tư công năm 2025	Trong đó										Ghi chú	
		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư thực hiện dự án		Ngân sách trung ương		Ngân sách tỉnh				Ngân sách huyện					Nguồn vốn khác
					Vốn chương trình MTQG nông thôn mới	Vốn chương trình MTQG vốn dân tộc thiểu số và miền núi	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ chương trình MTQG nông thôn mới	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ chương trình MTQG dân tộc thiểu số và miền núi	Vốn bảo vệ môi trường	Nguồn vốn tăng thu ngân sách DT 25 số với DT 23	Nguồn tăng thu ngân sách huyện năm 2024 chuyển nguồn sang	Vốn ngân sách huyện (nguồn thu cấp quyền sử dụng đất)				
27	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2024 (gói 3) hạng mục: Đường BTNT xóm Đồng Ao (tuyến 1)	Số 267/QĐ-UB ngày 10/11/2024	117	117,000			33,249						83,751			
28	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2024 (gói 4) hạng mục: Đường BTNT xóm Đồng Ôm	Số QĐ-UB ngày 04/12/2024	31	31,000			8,193						22,807			
29	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 4) hạng mục: Đường BTNT xóm Đồng Dùm dài 1,300m	Số 375/QĐ-UB ngày 10/11/2023	1.501	1.501			399,123						1.101,877			
30	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 1) hạng mục: Đường BTNT xóm Đồng Đình (Tuyến 1+2+3) dài 453m)	Số 252/QĐ-UB ngày 10/8/2023	329	329			100,971						228,029			
31	Kè đá Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 2) hạng mục: Đường BTNT xóm Đồng Đình (Tuyến 1) dài 600m)	Số 370/QĐ-UB ngày 8/11/2023	615	615			90,357						524,643			
32	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 1) hạng mục: Đường BTNT xóm Đoàn Kết dài 49m	Số 252/QĐ-UB ngày 10/8/2023	42	42			12,792						29,208			
33	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 1) hạng mục: Đường BTNT xóm Quyết Tâm dài 44m	Số 252/QĐ-UB ngày 10/8/2023	37	37			11,431						25,569			
34	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 3) hạng mục: Đường BTNT xóm Quyết Tâm dài 244m	Số 374/QĐ-UB ngày 10/11/2023	220	220			70,081						149,919			

Trong đó															
TT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch đầu tư công năm 2025	Ngân sách trung ương		Ngân sách tỉnh				Ngân sách huyện			Nguồn vốn khác	Chú chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư thực hiện dự án		Vốn chương trình MTQC nông thôn mới	Vốn chương trình MTQC vốn dân tộc thiểu số và miền núi	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ chương trình MTQC nông thôn mới	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ chương trình MTQC dân tộc thiểu số và miền núi	Vốn bảo vệ môi trường	Nguồn vốn tăng thu ngân sách DT 25 số với DT 23	Nguồn tăng thu ngân sách huyện năm 2024 chuyển nguồn sang	Vốn ngân sách huyện (nguồn thu cấp quyền sử dụng đất)			
35	Đường giao thông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 1) hạng mục: Đường BTNT xóm Đồng Dưm dài	Số 252/QĐ-UB ngày 10/8/2023	361	361			120,703						240,297		
36	Đường giao thông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 1) hạng mục: Đường BTNT xóm Thảng Lợi dài 72m	Số 252/QĐ-UB ngày 10/8/2023	52	52			16,057						35,943		
37	Đường giao thông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 1) hạng mục: Đường BTNT xóm Giữa dài 35m	Số 252/QĐ-UB ngày 10/8/2023	30	30			9,117						20,883		
38	Đường giao thông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 1) hạng mục: Đường BTNT xóm Cầu Trạ, 42m	Số 252/QĐ-UB ngày 10/8/2023	42	42			10,886						31,114		
39	Đường giao thông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 2) hạng mục: Đường BTNT xóm Cầu Trạ 65m	Số 370/QĐ-UB ngày 8/11/2023	48	48			14,424						33,576		
40	Đường giao thông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 1) hạng mục: Đường BTNT xóm Đồng Om dài 35m	Số 252/QĐ-UB ngày 10/8/2023	36	36			5,280						30,720		
41	Đường giao thông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 2) hạng mục: Đường BTNT xóm Đồng Om dài 190m+ kè đá 55m	Số 370/QĐ-UB ngày 8/11/2023	178	178			58,950						119,050		
42	Đường giao thông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 1) hạng mục: Đường BTNT xóm Tiên Độc dài 360m	Số 252/QĐ-UB ngày 10/8/2023	262	262			80,287						181,713		

Trong đó																
TT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch đầu tư công năm 2025	Ngân sách trung ương		Ngân sách tỉnh					Ngân sách huyện			Nguồn vốn khác	Chi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư thực hiện dự án		Vốn chương trình MTQC nông thôn mới	Vốn chương trình MTQC vốn dân tộc thiểu số và miền núi	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ chương trình MTQC nông thôn mới	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ chương trình MTQC dân tộc thiểu số và miền núi	Vốn bảo vệ môi trường	Nguồn vốn tăng thu ngân sách DT 25 số với DT 23	Nguồn tăng thu ngân sách huyện năm 2024 chuyển nguồn sang	Vốn ngân sách huyện (nguồn thu cấp quyền sử dụng đất)				
43	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lăng năm 2023 (gói 2) hạng mục: Đường BTINT xóm Tiền Đốc dài 100m	Số 370/QĐ-UB ngày 8/11/2023	74	74			22,317							51,683		
44	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lăng năm 2023 (gói 6) hạng mục: Đường BTINT xóm Tiền Đốc dài 133m	Số 378/QĐ-UB ngày 28/12/2023	94	94			29,529							64,471		
45	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lăng năm 2023 (gói 1) hạng mục: Đường BTINT xóm Đồng Mãng dài 80m	Số 252/QĐ-UB ngày 10/8/2023	59	59			17,826							41,174		
46	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lăng năm 2023 (gói 1) hạng mục: Đường BTINT xóm Cây Hồng dài 120m	Số 252/QĐ-UB ngày 10/8/2023	115	115			41,232							73,768		
47	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lăng năm 2023 (gói 2) hạng mục: Đường BTINT xóm Cây Hồng dài 235m	Số 370/QĐ-UB ngày 8/11/2023	119	119			34,973							84,027		
48	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lăng năm 2023 (gói 2) hạng mục: Đường BTINT xóm Đầm Làng dài 221m(tuyến 1+3+4)	Số 370/QĐ-UB ngày 8/11/2023	162	162			49,261							112,739		
49	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lăng năm 2023 (gói 2) hạng mục: Đường BTINT xóm Nhất Trí dài 62m+ kè đá 172m	Số 370/QĐ-UB ngày 8/11/2023	222	222			39,735							182,265		
50	Đường giao thông nông thôn xã Yên Lăng năm 2023 (gói 2) hạng mục: Đường BTINT xóm Đồi Cây dài 239m(tuyến 1+2+3+4)	Số 370/QĐ-UB ngày 8/11/2023	198	198			60,556							137,444		

TT		Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch đầu tư công năm 2025	Trong đó										Ghi chú	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư thực hiện dự án		Ngân sách trung ương		Ngân sách tỉnh				Ngân sách huyện					Nguồn vốn khác
						Vốn chương trình MTQG nông thôn mới	Vốn chương trình MTQG vốn dân tộc thiểu số và miền núi	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ chương trình MTQG nông thôn mới	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ chương trình MTQG dân tộc thiểu số và miền núi	Vốn bảo vệ môi trường	Nguồn vốn tăng thu ngân sách DT 25 số với DT 23	Nguồn tăng thu ngân sách huyện năm 2024 chuyển nguồn sang	Vốn ngân sách huyện (nguồn thu cấp quyền sử dụng đất)				
51	Dường giao thông nông thôn xã Yên Lãng năm 2023 (gói 5) hạng mục: Đường BTNT xóm Đông Cọ	số 376/qđ-ub ngày 10/11/2023	223	223	223			43,856							179,144		
II	Lĩnh vực văn hoá - thông tin		2.001	769	489	-	-	-	-	-	-	-	280	-	-	-	
I	Xây mới nhà văn hóa xóm 6, xã Phú Xuyên	QĐ PD dự án: 134/QĐ-UBND ngày 31/05/2024 ; 116/QĐ-UBND ngày 23/05/2025;	550	140									140				
2	Xây mới nhà văn hóa xóm Quyền, xã Phú Xuyên	QĐ PD dự án: 133/QĐ-UBND ngày 31/05/2024 ; 115/QĐ-UBND ngày 23/05/2025;	552	140									140				
3	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa xã Phú Xuyên	QĐ PD dự án: 249/QĐ-UBND ngày 15/10/2024; 121/QĐ-UBND ngày 26/05/2025;	899	489	489.090												
B	Công trình hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán		38.407	3.767	-	-	-	178	-	-	110	-	3.479	-	-	-	
I	Lĩnh vực văn hoá - thông tin		6.049	288	-	-	-	178	-	-	110	-	-	-	-	-	
1	Xây dựng nhà văn hóa xã Yên Lãng	PD dự án 7450/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	6.049	288	0			178	0		110		0				
II	Lĩnh vực hoạt động kinh tế		10.474	2.160	-	-	-	-	-	-	-	-	2.160	-	-	-	
1	Xây dựng và lắp đặt đường điện chiếu sáng dọc Quốc lộ 37 từ hẻm xã Tiên Hội (Km156+300) đến xã Yên Lãng (Km170+400)	3075/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	8.718	2.000							0		0		2.000		
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm xã Nà Mao	QĐ số: 1085/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của UBND Huyện Đại Từ	1.756	160									160				
III	Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội		21.884	1.319	0	0	0	0	0		0	0	1.319	0			

TT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch đầu tư công năm 2025	Trong đó										Ghi chú
		Ngân sách trung ương			Ngân sách tỉnh				Ngân sách huyện				Nguồn vốn khác		
					Vốn chương trình MTQG nông thôn mới	Vốn chương trình MTQG vốn dân tộc thiểu số và miền núi	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ chương trình MTQG nông thôn mới số và miền núi	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ chương trình MTQG dân tộc thiểu số và miền núi	Vốn bảo vệ môi trường	Nguồn vốn tăng thu ngân sách DT 25 số với DT 23	Nguồn tăng thu ngân sách huyện năm 2024 chuyển nguồn sang	Vốn ngân sách huyện (nguồn thu cấp quyền sử dụng đất)			
1	Xây dựng trụ sở UBND và các công trình phụ trợ xã Yên Lãng, huyện Đại Từ	PD dự án 4865/QĐ-UBND ngày 29/08/2023	21.884	1.319	0					0		0	1.319		
C	Công trình chuyển tiếp và khởi công mới năm 2025		36.085	16.717	3.268	0	1.094	0	0	5.000	4.000	3.355	0	0	
I	Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo		8.332	4.541	541	-	-	-	-	-	4.000	-	-	-	
	Trường Tiểu học Yên Lãng II, hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng		8.332	4.541	541		-			-	4.000			-	
II	Lĩnh vực kinh tế		27.753	12.176	2.727	-	1.094	-	-	5.000	-	3.355	-	-	
1	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường từ QL 37 vào thóc Ba Dội xã Phú Xuyên	Quyết định phê duyệt dự án 1918/QĐ-UBND ngày 15/5/2025	19.320	8.821	2.727		1.094			5.000					
2	Mở rộng khuôn viên địa điểm di tích nơi ra đời Đội thanh niên xung phong Việt Nam 15/7/1950 (xã Yên Lãng huyện Đại Từ)	Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 26/8/2024	8.433	3.355		0						3.355			

Phụ biểu số 03

DỰ KIẾN DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 07/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã Phú Xuyên)

TT	Danh mục dự án/chương trình	QĐ chủ trương đầu tư/ QĐ phê duyệt dự án/QĐ phê duyệt quyết toán				Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2025				Giải ngân kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTP đã giao từ năm 2021 đến năm 2025	Số vốn còn lại chuyển xã Phú Xuyên thanh toán	Dự kiến nhu cầu kế hoạch đầu tư công năm 2026	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó:						
				NSTW	NSDP		NSTW	NSDP					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	13	14	
	TỔNG SỐ		196.562	5.000	23.688	18.962	2.727	15.437	11.027	7.935	177.600		
I	Dự án chuyển tiếp		37.762	5.000	23.688	18.962	2.727	15.437	11.027	7.935	18.800		
1	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường từ QL37 vào thác Ba Dội xã Phú Xuyên	Quyết định phê duyệt dự án 1918/QĐ-UBND ngày 15/5/2025	19.230	5.000	14.230	8.821	2.727	5.296	5.296	3.525	10.409		



[illegible]

[illegible]

Phụ biểu số 04

DỰ KIẾN DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 VÀ GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 07/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã Phú Xuyên)

TT	Danh mục dự án/chương trình	QĐ chủ trương đầu tư/ QĐ phê duyệt dự án/QĐ phê duyệt quyết toán				Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2025				Giải ngân kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSDP đã giao từ năm 2021 đến năm 2025	Số vốn còn lại chuyển xã Phú Xuyên thanh toán	Dự kiến nhu cầu kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030	Dự kiến nhu cầu kế hoạch đầu tư công năm 2026
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó:						
				NSTW	NSDP		NSTW	NSDP					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
	TỔNG SỐ		315.387	5.000	23.688	18.962	2.727	15.437	11.027	7.935	296.425	177.300	
1	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021-2025		37.762	5.000	23.688	18.962	2.727	15.437	11.027	7.935	18.800	18.800	
1	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường từ QL37 vào thác Ba Dội xã Phú Xuyên	Quyết định phê duyệt dự án 1918/QĐ-UBND ngày 15/5/2025	19.230	5.000	14.230	8.821	2.727	5.296	5.296	3.525	10.409	10.409	
2	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng điểm du lịch sinh thái Hồ Phú Xuyên, xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ		1.767		1.767	100		100	100	-	1.667	1.667	

[illegible]

[illegible]

[illegible]